

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2017
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim H, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: Số 08/4, khu phố M, thị trấn N, huyện O, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú: Số 135/2/12, khu phố K, thị trấn N, huyện O, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 13/6/2017, biên bản hòa giải ngày 30/6/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Trương Thị Kim H) thể hiện:***

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà H và bị đơn ông S chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không có hạnh phúc, bị đơn thường xuyên uống rượu và đánh đập nguyên đơn nhiều lần dẫn đến nguyên đơn đã chuyển về nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1937, ngụ tại số 08/4, khu phố M, thị trấn N, huyện O, tỉnh Bình Dương sinh sống từ năm 2012, hiện hai vợ chồng không sống chung hơn 05 năm nay nên nguyên đơn quyết định làm đơn ly hôn với bị đơn.

- Về con chung : Quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 20/5/2009. Theo đơn xin ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 30/6/2017 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung , nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

*** Theo bản tự khai ngày 30/6/2017, biên bản hòa giải ngày 30/6/2017 và tại phiên tòa, bị đơn (ông Trần Văn S) thể hiện:**

Bị đơn ông S thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà H về quá trình chung sống, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, hay cãi vã và bị đơn cũng thường xuyên uống rượu, có đánh đập nguyên đơn nhiều lần do nguyên đơn cư xử không được khéo léo. Trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn thì bị đơn đồng ý vì hiện nay vợ chồng không còn tình cảm gì và đã không sống chung hơn 05 năm nay.

- Về con chung: Bị đơn đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung , nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bị đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa** Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Về nội dung: Không công

nhận bà Trương Thị Kim H và ông Trần Văn S là vợ chồng, giao con chung cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà H không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà H và bị đơn ông S chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng trong quan điểm, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, bị đơn còn thường xuyên đánh đập nguyên đơn. Hiện hai vợ chồng không sống chung hơn 05 năm nay. Vì vậy, nguyên đơn làm đơn xin ly hôn với bị đơn. Tòa án đã tiến hành hoà giải và tạo điều kiện cho hai bên một thời gian để hàn gắn tình cảm, nhưng nguyên đơn kiên quyết ly hôn. Bị đơn đồng ý. Quá trình giải quyết bị đơn thừa nhận có đánh đập nguyên đơn nhiều lần dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thống nhất ly hôn nhưng hai bên không đăng ký kết hôn khi chung sống với nhau là vi phạm quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử không công nhận nguyên đơn bà H và bị đơn ông S là vợ chồng.

[2] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 20/5/2009 và nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con. Hiện con chung đang sống cùng bị đơn, Tòa án tham khảo ý kiến của con chung tại biên bản làm việc ngày 26/6/2017, con đều có nguyện vọng chung sống với bị đơn. Bị đơn đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn và là ý chí tự nguyện của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thị Kim H và ông Trần Văn S.

2. Con chung: Giao cho ông Trần Văn S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 20/5/2009. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn S không yêu cầu bà Trương Thị Kim H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trương Thị Kim H và ông Trần Văn S đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trương Thị Kim H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005433 ngày 13 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2017)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện O;
- CC THA DS huyện O;
- UBND thị trấn N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam

